

ngày 18 tháng 9 năm 1985 của Hội đồng Bộ trưởng về cải tiến chế độ tiền lương của công nhân, viên chức và các lực lượng vũ trang.

Điều 29. — Công nhân, viên chức, quân nhân, thương binh, bệnh binh được hưởng phụ cấp khu vực của nơi cư trú (nếu nơi đó có phụ cấp khu vực) tính trên lương hưu hoặc trợ cấp hàng tháng.

Điều 30. — Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 9 năm 1985.

Mọi quy định trước đây trái với nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 31. — Bộ Thương binh và xã hội cùng các Bộ, các cơ quan có liên quan quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành nghị định này.

Điều 32. — Thủ trưởng các Bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành nghị định này.

T. M. Hội đồng Bộ trưởng  
K.T. Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
TỔ HỮU

**NGHỊ ĐỊNH** của Hội đồng Bộ trưởng số 237 - HĐBT ngày 19-9-1985 ban hành điều lệ lập, thẩm tra, xét duyệt thiết kế công trình xây dựng

### HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ nghị định số 232-CP ngày 6-6-1981 của Hội đồng Chính phủ ban hành Điều lệ quản lý xây dựng cơ bản;

Căn cứ nghị quyết số 166-HĐBT ngày 15-12-1984 của Hội đồng Bộ trưởng về cải tiến quản lý xây dựng cơ bản;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban xây dựng cơ bản Nhà nước,

### NGHỊ ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành kèm theo nghị định này bản Điều lệ lập, thẩm tra, xét duyệt thiết kế công trình xây dựng.

Điều 2. — Điều lệ này thi hành thống nhất trong cả nước và có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Các văn bản trước đây trái với bản Điều lệ này đều bãi bỏ.

Điều 3. — Các Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng  
K.T. Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
TỔ HỮU

### ĐIỀU LỆ

Về lập, thẩm tra, xét duyệt thiết kế công trình xây dựng (Ban hành kèm theo nghị định số 237-HĐBT ngày 19-9-1985 của Hội đồng Bộ trưởng)

#### Chương I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. — Điều lệ này quy định nội dung các bước thiết kế (bao gồm cả dự toán), trình tự, trách nhiệm và quyền hạn của các tổ chức trong công tác lập, thẩm tra, xét duyệt thiết kế các công trình xây dựng cơ bản nhằm thực hiện quản lý thống nhất công tác thiết kế trong cả nước.

Điều 2. — Các công trình quan trọng, công trình trên hạn ngạch được thiết kế 2 bước: thiết kế kỹ thuật — tổng dự toán, thiết kế bản vẽ thi công — dự toán.

Các công trình dưới hạn ngạch được thiết kế một bước: thiết kế kỹ thuật —

thi công kèm theo tổng dự toán. Những công trình dưới hạn ngạch có kỹ thuật phức tạp (theo quy định của chuyên ngành) thì vẫn phải thiết kế 2 bước.

Điều 3. — Thiết kế kỹ thuật (hoặc thiết kế kỹ thuật — thi công) phải lập trên cơ sở luận chứng kinh tế — kỹ thuật được duyệt.

— Đối với công trình dự kiến thi công dưới 2 năm (ghi trong văn bản phê duyệt luận chứng kinh tế — kỹ thuật) thì lập 1 lần cho toàn bộ công trình.

— Đối với công trình có thời hạn thi công dự kiến từ 2 năm trở lên hoặc có phân đoạn đầu tư thì lập 1 lần cho cụm hạng mục công trình đồng bộ đưa vào sử dụng từng đợt (sau đây gọi tắt là tổ hợp đợt №) phù hợp với luận chứng kinh tế — kỹ thuật. Trong trường hợp này người thiết kế phải giải quyết những vấn đề kỹ thuật liên quan với đợt sau và tổng mức đầu tư có phân bổ hợp lý cho đợt đó (tổng dự toán đợt №).

Tổng dự toán của toàn bộ công trình phải được lập và trình duyệt cùng một lúc với hồ sơ thiết kế kỹ thuật — tổng dự toán của cụm tổ hợp đợt cuối cùng của công trình.

Thiết kế bản vẽ thi công — dự toán được lập cho từng hạng mục công trình và phải phù hợp với thiết kế kỹ thuật được duyệt.

Điều 4. — Khi thiết kế, tổ chức thiết kế và người thiết kế phải chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tuân thủ các tiêu chuẩn quy phạm kỹ thuật, các định mức, đơn giá, chế độ, thể lệ hiện hành và phải tận dụng thiết kế điển hình đã được Nhà nước ban hành.

Điều 5. — Đồ án thiết kế kỹ thuật của tất cả các công trình xây dựng đều phải được thẩm tra và xét duyệt đúng quy định trong Điều lệ này. Các công trình hoặc cụm hạng mục của tổ hợp từng đợt chỉ được đưa vào kế hoạch hàng năm khi đã có thiết kế kỹ thuật — tổng dự toán được duyệt và chỉ được khởi công xây

dựng hạng mục công trình đã lập xong thiết kế bản vẽ thi công — dự toán.

Điều 6. — Tất cả các chủ đầu tư công trình của Nhà nước phải giao thầu thiết kế cho tổ chức nhận thầu thiết kế là tổ chức thiết kế có tư cách pháp nhân thông qua hợp đồng kinh tế.

## Chương II

### NỘI DUNG CÁC BƯỚC THIẾT KẾ

Điều 7. — Thành phần chủ yếu của thiết kế kỹ thuật — tổng dự toán.

#### 1. Thuyết minh của đồ án thiết kế kỹ thuật :

a) Thuyết minh tổng quát :

— Các căn cứ và cơ sở lập đồ án thiết kế, trích những nội dung cơ bản của luận chứng kinh tế — kỹ thuật được duyệt.

— Tóm tắt nội dung đồ án thiết kế.

— Các thông số và chỉ tiêu đạt được của công trình theo phương án được chọn.

— Phụ lục bản sao văn bản phê duyệt và thỏa thuận của các bước trước thiết kế, danh mục các tiêu chuẩn, thiết kế điển hình được sử dụng.

b) Điều kiện thiên nhiên, kỹ thuật, xã hội ảnh hưởng đến đồ án thiết kế :

— Các tài liệu địa hình, địa chất, thủy văn, động đất... sử dụng cho thiết kế công trình đã thu thập hoặc khảo sát được tại khu vực xây dựng.

— Những điều kiện phát sinh khi lập luận chứng kinh tế — kỹ thuật chưa thấy hết.

c) Phần kinh tế — kỹ thuật :

— Năng lực, công suất thiết kế và các thông số của công trình.

— Phương án, danh mục, chất lượng sản phẩm, tiêu thụ sản phẩm.

— Những chỉ tiêu kinh tế — kỹ thuật và hiệu quả đầu tư.

d) Phần công nghệ, vận hành khai thác sử dụng :

— Quy trình công nghệ, dây chuyền vận hành.

— Tính toán và lựa chọn thiết bị (chủng loại, nhãn hiệu, đặc tính kỹ thuật).

— Tính toán nhu cầu và xác định nguồn cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng, vận chuyển v.v...

— Tổ chức sản xuất, nhu cầu và kế hoạch đào tạo cán bộ, công nhân vận hành.

— Biện pháp an toàn lao động, an toàn sản xuất, chống nổ, chống cháy, chống độc hại, vệ sinh công nghiệp bảo vệ môi trường sinh thái.

e) Phần xây dựng và kỹ thuật công trình:

— Tổng mặt bằng, diện tích chiếm đất, diện tích xây dựng của công trình (kể cả hạng mục công trình phục vụ thi công).

— Giải pháp về kiến trúc, kết cấu chính, nền móng, các phương pháp và kết quả tính toán.

— Các hệ thống công trình kỹ thuật hạ tầng: cấp điện, cấp nhiệt, cấp hơi, cấp dầu, cấp nước, thoát nước, thông gió, thông tin tín hiệu, cứu hỏa, điều khiển tự động v.v...

— Giải pháp mặt bằng và thiết bị vận tải.

— Trang trí kiến trúc và trồng cây xanh.

— Tổng hợp khối lượng xây lắp, vật tư chính và thiết bị công nghệ của từng hạng mục công trình.

— Các chỉ tiêu sử dụng vật liệu quý hiếm, vật liệu địa phương.

g) Phần thiết kế tổ chức xây dựng:

Tóm tắt những điểm chính của thiết kế tổ chức xây dựng và các chỉ dẫn biện pháp thi công và an toàn chủ yếu trong quá trình xây dựng.

## 2. Bản vẽ của thiết kế kỹ thuật.

— Hiện trạng của mặt bằng và vị trí trên bản đồ của công trình được thiết kế.

— Tổng mặt bằng bố trí các hạng mục công trình và các hệ thống kỹ thuật.

— Dây chuyền công nghệ và các thiết bị công nghệ chính.

— Mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt, kết cấu chính của các hạng mục công trình.

— Phối cảnh toàn bộ công trình — Các hệ thống chính công trình kỹ thuật hạ tầng, đường sá, trồng cây xanh.

— Tổng mặt bằng tổ chức xây dựng và mặt bằng thi công các hạng mục đặc biệt.

— Mô hình toàn bộ công trình hoặc từng bộ phận công trình (theo hợp đồng riêng của phía đặt hàng).

## 3. Tổng dự toán thiết kế kỹ thuật.

a) Các căn cứ lập tổng dự toán, danh mục các tài liệu liên quan đến tổng dự toán.

b) Xác định đơn giá của từng loại công tác: xây dựng, thiết bị, lắp đặt, phụ tùng thay thế v.v... theo đơn giá tổng hợp.

c) Tổng hợp khối lượng của thiết kế kỹ thuật và kết quả xác định đơn giá lập thành:

— Dự toán của từng hạng mục công trình theo thiết kế kỹ thuật.

— Tổng dự toán của toàn bộ công trình phân theo cơ cấu vốn đầu tư.

Điều 8. — Nội dung chủ yếu của thiết kế bản vẽ thi công — dự toán gồm:

### 1. Bản vẽ thi công.

— Chi tiết về mặt bằng, mặt cắt của các hạng mục công trình, thể hiện đầy đủ vị trí và kích thước của các chi tiết kết cấu, thiết bị công nghệ, có biểu liệt kê khối lượng xây lắp và thiết bị của các hạng mục công trình đó, chất lượng quy cách của từng loại vật liệu, cấu kiện điển hình được gia công sẵn, có thuyết minh hướng dẫn về trình tự thi công, các yêu cầu về kỹ thuật an toàn lao động trong thi công...

— Chi tiết cho các bộ phận công trình thể hiện đầy đủ vị trí, kích thước, quy cách và số lượng từng loại vật liệu, cấu kiện có ghi chú cần thiết cho người thi công.

— Chi tiết về lắp đặt thiết bị công nghệ của nhà máy chế tạo thiết bị, trong đó có thể hiện đầy đủ vị trí, kích thước, quy cách và số lượng của từng loại thiết bị, cấu kiện, linh kiện và vật liệu, những ghi chú cần thiết cho người thi công.

Vị trí lắp đặt và chi tiết của các hệ thống kỹ thuật, đường sá...

— Gia công cấu kiện và các chi tiết phải làm tại công trường kể cả chi tiết cốt pha phức tạp (trừ bản vẽ chi tiết kết cấu thép).

— Biểu tổng hợp khối lượng xây lắp, thiết bị, vật liệu của từng hạng mục công trình và toàn bộ công trình thể hiện đầy đủ quy cách, số lượng từng loại vật liệu, cấu kiện, thiết bị.

## 2. Dự toán thiết kế bản vẽ thi công.

a) Thuyết minh các căn cứ và cơ sở để lập dự toán, biểu tóm tắt kết quả dự toán mục lục nội dung của tài liệu dự toán và các phụ lục cần thiết.

b) Xác định đơn giá của từng loại công tác xây lắp, thiết bị lắp đặt và phụ tùng thay thế theo đơn giá khu vực tính đến chân công trình hoặc đơn giá riêng của công trình.

c) Tổng hợp khối lượng các loại công tác xây lắp, thiết bị lắp đặt và phụ tùng thay thế của hạng mục công trình đó, kể cả những khối lượng và chi phí tăng thêm hợp lý chưa lường hết trong thiết kế kỹ thuật.

d) Bản dự toán của từng hạng mục công trình có phân theo cơ cấu vốn đầu tư.

e) Tổng hợp dự toán thiết kế bản vẽ thi công của tất cả các hạng mục công trình hoặc các hạng mục thuộc tổ hợp từng đợt.

Điều 9. — Nội dung của thiết kế kỹ thuật — thi công bao gồm nội dung thiết kế bản vẽ thi công và phần thuyết minh của thiết kế kỹ thuật.

Điều 10. — Hồ sơ thiết kế :

a) Hồ sơ thiết kế kỹ thuật bao gồm :

— Tập thuyết minh (theo điều 7).

— Tập bản vẽ.

— Tập tổng dự toán.

— Mô hình (khi cần thiết).

b) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công của từng hạng mục công trình bao gồm :

— Tập bản vẽ.

— Tập dự toán.

c) Nếu là hồ sơ thiết kế kỹ thuật — thi công thì bao gồm :

— Tập bản vẽ của thiết kế bản vẽ thi công.

— Tập dự toán.

— Tập thuyết minh thiết kế kỹ thuật kèm theo tổng dự toán.

Tờ chức thiết kế phải lưu lại tại cơ quan mình hồ sơ tính toán thiết kế. Khi cần thiết, theo yêu cầu của các cơ quan thẩm tra tờ chức thiết kế có trách nhiệm trình hồ sơ tính toán.

Điều 11. — Những công trình, hạng mục công trình, cấu kiện đã có thiết kế điện hình được Nhà nước ban hành thì thiết kế phải sử dụng trong đồ án. Trường hợp đã có thiết kế điện hình nhưng cần thiết kế đơn chiếc thì phải có thuyết minh lý do và được sự đồng ý của cơ quan đầu tư chủ quản ngành và Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước. Khi sử dụng thiết kế điện hình phải :

— Xác định tọa độ và cao trình của công trình tại địa điểm xây dựng công trình.

— Xác định điều kiện đặt móng và thiết kế móng cho phù hợp với điều kiện cụ thể của công trình.

— Thực hiện các hiệu chỉnh cần thiết trong các bản vẽ.

— Đối với những công trình, cấu kiện, chi tiết áp dụng hoàn toàn theo thiết kế điện hình thì phải ghi rõ ký hiệu bản vẽ để tra cứu dễ dàng.

Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước thống nhất quản lý và ban hành thiết kế điện hình.

## Chương III

LẬP, THĂM TRA, XÉT DUYỆT,  
THIẾT KẾ

## A. LẬP THIẾT KẾ

Điều 12. — Tất cả các công trình xây dựng cơ bản phải được thiết kế đầy đủ, có chất lượng theo đúng các quy định trong bản Điều lệ này.

Điều 13. — Trường hợp có một tổ chức thiết kế làm tổng thầu thì tổ chức tổng thầu thiết kế phải thiết kế được những hạng mục công trình chủ yếu hoặc công nghệ chủ yếu và chịu trách nhiệm toàn bộ việc thực hiện hợp đồng nhận thầu thiết kế với bên giao thầu. Các tổ chức thiết kế nhận thầu lại chịu trách nhiệm về tiến độ, nội dung thiết kế với tổ chức giao nhận thầu lại và các cơ quan quản lý Nhà nước.

Điều 14. — Khi ký kết hợp đồng thiết kế, bên giao thầu phải giao cho tổ chức nhận thầu thiết kế các tài liệu sau:

— Bản sao văn bản phê duyệt luận chứng kinh tế — kỹ thuật.

— Tài liệu luận chứng kinh tế — kỹ thuật được duyệt và toàn bộ tài liệu khảo sát, thí nghiệm đã thực hiện trong quá trình lập luận chứng kinh tế — kỹ thuật.

— Các bản sao văn bản phát biểu thỏa thuận của các cơ quan và địa phương có liên quan đến việc thiết kế công trình.

— Bản yêu cầu thiết kế kỹ thuật công trình.

Trường hợp có tổng thầu thiết kế, tổng thầu thiết kế phải giao cho tổ chức thiết kế nhận thầu lại các tài liệu sau:

— Tài liệu sao trích từ luận chứng kinh tế — kỹ thuật được duyệt có liên quan đến phần việc do tổ chức thiết kế nhận thầu lại đảm nhiệm.

— Bản sao các văn bản phát biểu và thỏa thuận của các cơ quan và địa phương có liên quan đến phần việc do tổ chức thiết kế nhận thầu lại đảm nhiệm.

— Bản yêu cầu thiết kế kỹ thuật phần việc do tổ chức thiết kế nhận thầu lại đảm nhiệm.

Điều 15. — Bản yêu cầu thiết kế do bên giao thầu lập phải căn cứ vào nội dung luận chứng kinh tế — kỹ thuật được duyệt và phù hợp với quyết định phê duyệt. Bản yêu cầu thiết kế do chủ đầu tư ký nếu là công trình thiết kế trong nước, và được chủ quản đầu tư ký nếu là công trình do nước ngoài thiết kế. Bản yêu cầu thiết kế là căn cứ ký kết hợp đồng giao nhận thầu thiết kế.

Nội dung bản yêu cầu thiết kế nêu rõ:

— Những nhiệm vụ của công trình mà đồ án phải đạt được.

— Các điều kiện bố trí tổng mặt bằng, kết cấu kiến trúc, thiết bị công nghệ, tổ chức xây dựng và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu.

— Các điều kiện xây dựng, sản xuất, khai thác, quản lý sử dụng của công trình.

— Những vấn đề tồn tại trong luận chứng kinh tế — kỹ thuật cần tiếp tục nghiên cứu giải quyết.

— Thời hạn hoàn thành thiết kế.

Điều 16. — Tổ chức thiết kế phải cử Chủ nhiệm đồ án thiết kế cho từng công trình hoặc cụm công trình để chỉ đạo kỹ thuật thiết kế công trình đó.

Điều 17. — Công tác khảo sát kỹ thuật (khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn), công việc thu thập tài liệu, số liệu cơ sở, thí nghiệm phục vụ thiết kế do tổ chức thiết kế thực hiện hoặc ký hợp đồng thuê các tổ chức khảo sát thực hiện.

Nội dung, khối lượng của công tác khảo sát thí nghiệm, phải phù hợp với yêu cầu của từng bước thiết kế và đặc điểm của công trình. Khi thiết kế phải tận dụng tài liệu, số liệu đã khảo sát, thí nghiệm trong quá trình lập luận chứng kinh tế — kỹ thuật cũng như các tài liệu đã có trong khu vực xây dựng công trình mà các ngành, các cơ quan địa phương đã thực hiện và thu thập được. Không được khảo sát lập lại mà chỉ được phép kiểm tra bổ sung và làm chính xác các tài liệu đã có.

Tất cả các tài liệu khảo sát kỹ thuật do tổ chức thiết kế thực hiện tại địa phương nào đều phải nộp lưu một bộ tại Ủy ban xây dựng tỉnh, thành phố quản lý để sử dụng cho công trình khác.

Điều 18. — Thời hạn lập thiết kế được thực hiện theo hợp đồng giao nhận thầu thiết kế.

Thiết kế bản vẽ thi công phải giao cho tổ chức nhận thầu thi công xây lắp không chậm hơn 3 tháng trước khi khởi công hạng mục công trình đó.

Điều 19. — Số lượng hồ sơ thiết kế và cơ quan nhận quy định như sau :

### 1. Thiết kế kỹ thuật :

a) Đối với công trình quan trọng, tổ chức thiết kế phải lập 6 bộ giao chủ đầu tư để chủ đầu tư gửi cho :

- Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước.
- Chủ quản đầu tư.
- Tổ chức nhận thầu xây lắp.
- Ban Quản lý công trình.
- Cục Lưu trữ quốc gia.
- Tổ chức thiết kế.

b) Đối với công trình khác, tổ chức thiết kế phải lập 5 bộ giao cho chủ đầu tư để chủ đầu tư gửi cho :

- Chủ quản đầu tư.
- Tổ chức nhận thầu xây lắp.
- Ban Quản lý công trình.
- Cơ quan lưu trữ ngành hoặc địa phương.
- Tổ chức thiết kế.

Riêng đối với công trình do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng duyệt thiết kế kỹ thuật, phải có thêm một tập thuyết minh tổng quát gửi Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng.

### 2. Thiết kế bản vẽ thi công.

a) Đối với công trình quan trọng và trên hạn ngạch, tổ chức thiết kế lập 7 bộ giao cho chủ đầu tư 6 bộ để chủ đầu tư gửi cho chủ quản đầu tư 1 bộ, Ban quản lý công trình 2 bộ, và tổ chức nhận thầu xây lắp 3 bộ ; tổ chức thiết kế lưu 1 bộ.

b) Đối với công trình dưới hạn ngạch, tổ chức thiết kế phải lập 5 bộ, giao cho chủ đầu tư 4 bộ để chủ đầu tư gửi cho chủ quản đầu tư 1 bộ, Ban quản lý công trình 1 bộ và tổ chức nhận thầu xây lắp 2 bộ ; tổ chức thiết kế lưu 1 bộ.

Số lượng hồ sơ nêu trên là quy định trong giá thiết kế. Ngoài ra khi cần chủ đầu tư có thể hợp đồng thêm ngoài giá thiết kế.

Điều 20. — Trong tài liệu thiết kế phải ghi rõ họ, tên, chức vụ, có đủ chữ ký của những người chịu trách nhiệm về việc lập, kiểm tra, xét duyệt tài liệu đó của tổ chức thiết kế.

Bản thuyết minh và các bản vẽ, đều phải đóng dấu của tổ chức thiết kế.

Điều 21. — Nếu thiết kế kỹ thuật không được phê duyệt thì tổ chức nhận thầu thiết kế phải lập lại. Thời hạn lập lại thiết kế kỹ thuật không được kéo dài quá 1/2 thời hạn thiết kế được ghi trong hợp đồng giao nhận thầu thiết kế.

### B. THĂM TRA VÀ XÉT DUYỆT THIẾT KẾ

Điều 22. — Việc xét duyệt thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán phải phù hợp với quyết định phê duyệt luận chứng kinh tế - kỹ thuật.

Điều 23. — Việc phân cấp xét duyệt thiết kế kỹ thuật quy định như sau :

a) Trong số những công trình thuộc loại quan trọng, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng sẽ xét duyệt những công trình đặc biệt mà trong quyết định phê duyệt luận chứng kinh tế - kỹ thuật đã được ghi cụ thể.

b) Công trình quan trọng :

— Nếu công trình chủ quản đầu tư là các Bộ, Tổng cục và tổ chức trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng thì do Bộ trưởng, Tổng cục trưởng, các Thủ trưởng cơ quan trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng xét duyệt có sự thỏa thuận của Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước.

— Nếu công trình chủ quản đầu tư là Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương thì do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu xét duyệt có sự tham tra thỏa thuận của Bộ chuyên ngành và của Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước.

c) Các công trình trên hạn ngạch không thuộc diện nêu tại điểm a và b, thì do chủ quản đầu tư xét duyệt, các công trình dưới hạn ngạch chủ quản đầu tư xét duyệt hoặc có thể ủy quyền cho Thủ trưởng cơ quan quản lý xây dựng cơ bản của Bộ, tỉnh hoặc cơ quan cấp trên của chủ đầu tư xét duyệt. Riêng công trình chuyên ngành có kỹ thuật phức tạp thì phải có tham tra thỏa thuận của Bộ chuyên ngành.

Tuyệt đối không được ủy quyền xét duyệt thiết kế cho Thủ trưởng các tổ chức thiết kế đã thực hiện thiết kế đó.

**Điều 24. — Cơ quan tham tra thiết kế:**

Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước tổ chức tham tra và báo cáo lên Hội đồng Bộ trưởng thiết kế kỹ thuật — tổng dự toán các công trình do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng xét duyệt; tham tra và có văn bản thỏa thuận về thiết kế kỹ thuật — tổng dự toán các công trình quan trọng do Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố xét duyệt.

— Cơ quan quản lý xây dựng cơ bản của tỉnh, thành phố (Ủy ban hoặc Ban Xây dựng cơ bản tỉnh, thành phố), cơ quan quản lý xây dựng cơ bản Bộ (Vụ hoặc Phòng xây dựng, cơ bản) tổ chức tham tra thiết kế kỹ thuật — tổng dự toán các công trình để chủ quản đầu tư xét duyệt hoặc chủ quản đầu tư trình cấp có thẩm quyền xét duyệt.

Các ngành và địa phương có thể lập Hội đồng thẩm kế (cơ quan quản lý xây dựng cơ bản là thường trực) tập hợp được những chuyên gia có đủ trình độ bảo đảm tham tra chặt chẽ và đúng đắn.

**Điều 25. — Chủ đầu tư phải gửi đến cấp xét duyệt thiết kế và cơ quan tham tra**

được quy định tại điều 23, 24 hồ sơ trình duyệt thiết kế bao gồm:

- a) Tờ trình xin xét duyệt thiết kế.
- b) Bản sao văn bản phê duyệt luận chứng kinh tế — kỹ thuật.
- c) Hồ sơ thiết kế quy định tại điều 10 của bản điều lệ này.
- d) Các bản sao văn bản thỏa thuận và phát biểu ý kiến của các cơ quan Nhà nước và địa phương có liên quan.

**Điều 26. — Nội dung tham tra thiết kế gồm các vấn đề chủ yếu sau đây.**

- a) Tính hợp lệ của hồ sơ thiết kế.
- b) Sự phù hợp của đồ án thiết kế với giải pháp, phương án công nghệ xây dựng, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật trong luận chứng kinh tế — kỹ thuật được duyệt.
- c) Sự so sánh khách quan và lựa chọn đúng đắn phương án về.

— Tổng mặt bằng hoặc tuyến công trình.

— Dây chuyền công nghệ và thiết bị công nghệ.

— Phương án kết cấu và kiến trúc các hạng mục công trình chính.

d) Sự lựa chọn hợp lý về:

— Nguồn cung cấp điện, nước, động lực, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho sản xuất và xây dựng.

— Giải pháp vận chuyển và thông tin liên lạc.

— Phương án tổ chức và thi công xây lắp công trình.

— Kế hoạch tiến độ xây dựng công trình.

e) Sự đúng đắn của tổng dự toán, sự phù hợp của tổng dự toán với vốn đầu tư được duyệt trong luận chứng kinh tế — kỹ thuật.

g) Việc tuân thủ các tiêu chuẩn quy phạm kỹ thuật, các định mức đơn giá, các chế độ thể lệ trong tài liệu thiết kế và dự toán.

Khi kết thúc việc thăm tra, cơ quan thăm tra thiết kế phải lập báo cáo kết quả thăm tra và dự thảo văn bản phê duyệt gửi lên cấp phê duyệt.

Điều 27. — Văn bản phê duyệt thiết kế phải quyết định cụ thể các nội dung sau :

1. Năng lực hoặc công suất thiết kế của công trình.
2. Các thông số kỹ thuật của công trình.
3. Phương án công nghệ và các kỹ thuật khác của công trình.
4. Tổng mặt bằng hoặc tuyến công trình, diện tích chiếm đất, diện tích xây dựng.
5. Kiến trúc và kết cấu chủ yếu của công trình.
6. Phương án tổ chức thi công xây lắp.
7. Kế hoạch tiến độ xây dựng công trình.
8. Tổng dự toán thiết kế kỹ thuật của công trình.
9. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của công trình.
10. Nhiệm vụ của các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị có liên quan trong thiết kế và xây dựng công trình.

Điều 28. — Văn bản phê duyệt thiết kế các công trình xây dựng phải gửi cho các cơ quan sau đây để giám sát và quản lý :

a) Đối với công trình quan trọng và trên hạn ngạch ; Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước, Bộ Tài chính, Ngân hàng đầu tư và xây dựng Việt Nam, Bộ Ngoại thương (nếu là công trình do nước ngoài thiết kế hoặc cung cấp thiết bị) và Ủy ban Nhân dân tỉnh nơi xây dựng công trình.

b) Đối với công trình dưới hạn ngạch : cơ quan tài chính, ngân hàng đầu tư và xây dựng, và Ủy ban Nhân dân tỉnh nơi xây dựng công trình.

c) Đối với công trình thuộc bí mật quốc phòng, an ninh, có quy định riêng.

Điều 29. — Thời hạn thăm tra và xét duyệt thiết kế kể từ sau khi nhận đủ hồ sơ và tờ trình :

a) Đối với công trình do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng xét duyệt thì thăm tra không quá 60 ngày, xét duyệt không quá 15 ngày.

b) Đối với công trình do chủ quản đầu tư xét duyệt thì thăm tra không quá 45 ngày, xét duyệt không quá 10 ngày.

Các cơ quan thăm tra, thỏa thuận cũng theo thời gian quy định này.

Trường hợp phải sửa chữa, bổ sung hoặc lập lại hồ sơ trình duyệt thì thời hạn thăm tra xét duyệt được tính từ khi nhận đủ hồ sơ đã được điều chỉnh, bổ sung.

Điều 30. — Bản vẽ thi công do cơ quan thiết kế chịu trách nhiệm không phải qua xét duyệt, dự toán của từng hạng mục công trình do chủ đầu tư duyệt sau khi thống nhất dự toán xây lắp giữa chủ đầu tư và tổ chức nhận thầu xây lắp theo thông tư hướng dẫn của Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước.

### C. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN TRONG CÔNG TÁC THIẾT KẾ

Điều 31. — Tổ chức thiết kế có trách nhiệm và quyền hạn :

1. Thực hiện toàn bộ công tác khảo sát kỹ thuật, thí nghiệm, thu thập tài liệu, số liệu phục vụ trực tiếp cho thiết kế và thiết kế các bước theo quy định trong Điều lệ này.

Trường hợp tổ chức thiết kế không nhận thầu công việc khảo sát, thí nghiệm thì có trách nhiệm kiểm tra xác nhận những tài liệu do chủ đầu tư hoặc tổng thầu xây dựng giao.

2. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về chất lượng, nội dung và khối lượng của toàn bộ tài liệu thiết kế (kể cả việc sử dụng các tài liệu phục vụ thiết kế và sử dụng thiết kế điển hình).

3. Bảo đảm thực hiện tiến độ thiết kế theo hợp đồng, cung cấp tài liệu thiết kế đúng hạn, không được tự ý hủy bỏ hợp

9665049 \* www.ThuVienPhapLuat.com \* Tel: +84-8-3845 6684



đồng và chịu trách nhiệm bổ sung, sửa chữa hoặc lập lại khi thiết kế chưa được phê duyệt.

4. Thực hiện chế độ kiểm tra chất lượng sản phẩm và nghiệm thu nội bộ các tài liệu, số liệu trong quá trình thiết kế và trước khi giao thiết kế cho chủ đầu tư hoặc tổng thầu xây dựng.

5. Ký kết hợp đồng nhận thầu thiết kế với chủ đầu tư hoặc tổng thầu xây dựng; ký kết hợp đồng giao thầu khảo sát và thiết kế với các tổ chức nhận thầu lại.

6. Trình bày và bảo vệ đồ án thiết kế trong quá trình thẩm tra, xét duyệt; tham gia với chủ đầu tư trong việc thỏa thuận tổng dự toán và dự toán thiết kế với tổ chức nhận thầu xây lắp.

7. Thực hiện giám sát tác giả trong quá trình thi công xây lắp bảo đảm đúng đồ án thiết kế; thông qua chủ đầu tư xử lý các vấn đề phát sinh và bổ sung, điều chỉnh thiết kế, dự toán trong quá trình thi công xây lắp.

8. Tham gia nghiệm thu đánh giá chất lượng thi công xây lắp công trình. Tổ chức thiết kế được tham gia công việc của Hội đồng nghiệm thu.

9. Giữ bản quyền tác giả của đồ án thiết kế (trừ thiết kế điển hình được Nhà nước ban hành), lưu trữ và quản lý các tài liệu gốc.

10. Chịu trách nhiệm bảo hành thiết kế theo niên hạn thiết kế. Riêng đối với kỹ thuật sản xuất, bảo hành đến khi đạt công suất thiết kế.

11. Có quyền từ chối thiết kế những công trình chưa có luận chứng — kinh tế kỹ thuật được duyệt, hoặc nội dung luận chứng kinh tế — kỹ thuật không đủ điều kiện để thiết kế.

**Điều 32.** — Chủ nhiệm đồ án thiết kế (hoặc người chủ trì từng phần thiết kế) có trách nhiệm và quyền hạn sau:

1. Bảo đảm về sự đúng đắn của phương pháp luận, kết quả tính toán và khớp nối

đồng bộ toàn bộ đồ án thiết kế hoặc phần thiết kế được giao chủ trì.

2. Chịu trách nhiệm kiểm tra công việc của những người cộng sự thực hiện đồ án thiết kế.

3. Thay mặt tổ chức thiết kế thực hiện quyền giám sát tác giả.

4. Được quyền khiếu nại với các cơ quan quản lý Nhà nước các cấp về sự thực hiện không đúng dẫn bản vẽ thiết kế của mình đã được duyệt.

5. Chịu trách nhiệm trước cơ quan và pháp luật (cùng những người liên đới) khi công trình có sự cố kỹ thuật, phát hiện lãng phí do nguyên nhân thiết kế gây nên.

**Điều 33.** — Chủ đầu tư có trách nhiệm và quyền hạn:

1. Ký kết hợp đồng giao thầu thiết kế với các tổ chức thiết kế có tư cách pháp nhân; theo dõi đơn đốc việc thực hiện hợp đồng và thanh toán kinh phí thiết kế.

2. Cung cấp tài liệu, số liệu và các văn bản pháp lý cần thiết cho tổ chức thiết kế làm căn cứ cho việc thiết kế công trình.

3. Tiếp nhận hồ sơ thiết kế và gửi cho các cơ quan quy định tại điều 19.

4. Lập hồ sơ trình duyệt thiết kế.

5. Cùng với tổ chức thiết kế trình bày và bảo vệ trong quá trình thẩm tra xét duyệt.

6. Chủ trì giải quyết các vấn đề tồn tại và phát sinh về thiết kế và dự toán trong quá trình thi công.

**Điều 34.** — Tổ chức nhận thầu xây lắp có trách nhiệm và quyền hạn:

1. Cung cấp theo yêu cầu của chủ đầu tư và của tổ chức thiết kế các số liệu và điều kiện có liên quan đến thi công xây lắp công trình.

2. Tham gia xem xét, phát biểu ý kiến với chủ đầu tư và tổ chức thiết kế về

phần thiết kế tổ chức xây dựng trong thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán công trình.

3. Soát xét bản vẽ thi công, kiến nghị với chủ đầu tư và tổ chức thiết kế sửa đổi cho phù hợp với điều kiện thi công và vật liệu.

4. Xem xét và thỏa thuận với chủ đầu tư về dự toán xây lắp.

5. Từ chối làm những phần việc chưa được cung cấp bản vẽ thi công cần thiết.

6. Lập hồ sơ hoàn công để bàn giao công trình và gửi chủ đầu tư để nộp lưu trữ.

**Điều 35.** — Trách nhiệm của các cơ quan quản lý:

1. Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước:

Ngoài trách nhiệm thẩm tra thiết kế ghi trong điều 24 về quản lý thiết kế, Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước có trách nhiệm:

— Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc xét duyệt thiết kế dự toán của các ngành trung ương và địa phương.

— Xử lý các vụ tranh chấp khiếu nại về mặt kỹ thuật thuộc công việc khảo sát, thiết kế.

— Tổ chức nghiên cứu, xét duyệt ban hành hoặc thỏa thuận đề các Bộ chuyên ngành ban hành các loại thiết kế điển hình và các thiết kế dùng lại của các Bộ chuyên ngành.

— Nghiên cứu trình Hội đồng Bộ trưởng ban hành hoặc được ủy nhiệm ban hành các tiêu chuẩn thiết kế, chỉ tiêu kinh tế — kỹ thuật, chế độ thê lệ phục vụ khảo sát, thiết kế cấp Nhà nước.

— Kiểm tra việc thực hiện các chủ trương chính sách, chế độ, thê lệ, tiêu chuẩn định mức phục vụ khảo sát kỹ thuật và thiết kế.

— Là cơ quan giám định chất lượng Nhà nước đối với sản phẩm thiết kế xây dựng cơ bản trong cả nước.

2. Các Bộ chuyên ngành chịu trách nhiệm quản lý công tác thiết kế chuyên ngành trong cả nước.

Ngoài nhiệm vụ thẩm tra thỏa thuận thiết kế kỹ thuật của các công trình chuyên ngành ghi trong điều 24, các Bộ chuyên ngành còn có trách nhiệm:

— Nghiên cứu và ban hành các chế độ, thê lệ, tiêu chuẩn ngành dùng cho công tác thiết kế thuộc chuyên ngành trong khuôn khổ phù hợp với những chế độ, thê lệ, tiêu chuẩn Nhà nước.

— Nghiên cứu ban hành các bản hướng dẫn thực hiện các chế độ, thê lệ của Nhà nước theo đặc điểm chuyên ngành.

Các tổ chức quản lý xây dựng cơ bản của ngành và địa phương là cơ quan trực tiếp quản lý thiết kế của ngành và địa phương.

Các cơ quan khác có trách nhiệm phát biểu và trả lời bằng văn bản những yêu cầu của tổ chức thiết kế và của chủ đầu tư, chủ quản đầu tư về các vấn đề liên quan đến đồ án thiết kế thuộc lĩnh vực quản lý được Nhà nước phân công.

#### D. CÔNG TRÌNH DO NƯỚC NGOÀI THIẾT KẾ VÀ CÔNG TRÌNH DO VIỆT NAM THIẾT KẾ CHO NƯỚC NGOÀI

**Điều 36.** — Tất cả các công trình do nước ngoài thiết kế hoặc ta thiết kế cho nước ngoài, khi ký kết hợp đồng với tổ chức nước ngoài đều phải bảo đảm nội dung chủ yếu của bản Điều lệ này.

**Điều 37.** — Đối với công trình do tổ chức nước ngoài thiết kế, chủ đầu tư chịu trách nhiệm khảo sát kỹ thuật, thu thập và cung cấp tài liệu phục vụ cho việc thiết kế. Việc cung cấp tài liệu, số liệu cho nước ngoài phải tuân thủ các quy chế về bảo mật của Nhà nước và phải được cơ quan chủ quản đầu tư và Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước xét duyệt.

Điều 38. — Chủ quản đầu tư các công trình do nước ngoài thiết kế phải giao cho một tổ chức thiết kế chuyên ngành chủ trì đàm phán kỹ thuật với Đoàn chuyên gia nước ngoài. Tổ chức thiết kế ngành được giao phải cử Chủ nhiệm đồ án về phía Việt Nam đề trao đổi, tiếp thu thiết kế kỹ thuật của Bản và chủ trì thiết kế các hạng mục công trình do Việt Nam tự thiết kế.

Trong trường hợp tổ chức thiết kế nước ngoài có yêu cầu tổ chức Văn phòng lâm thời để sửa chữa và bổ sung thiết kế thì cơ quan chủ đầu tư đề nghị Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước xét trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định.

Điều 39. — Các công trình do nước ngoài thiết kế cần dùng tiêu chuẩn, định mức của nước ngoài để thiết kế thì phải được sự đồng ý của Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước.

Các công trình do tổ chức thiết kế của ta thiết kế cho nước ngoài, khi áp dụng các tiêu chuẩn, định mức của ta thì tổ chức thiết kế có trách nhiệm nghiên cứu điều kiện thực tế của nước đó để thiết kế cho phù hợp và phải được chấp thuận của cơ quan đặt hàng

Điều 40. — Đối với các công trình do nước ngoài thiết kế, chủ đầu tư có thể giao cho tổ chức thiết kế chuyên ngành trong nước cộng tác với tổ chức thiết kế nước ngoài lập bản yêu cầu thiết kế (nhiệm vụ thiết kế) trình chủ quản đầu tư duyệt để làm căn cứ ký kết hợp đồng.

Điều 41. — Đối với công trình do nước ngoài thiết kế kỹ thuật, chủ đầu tư có trách nhiệm giao thầu cho tổ chức thiết kế trong nước xem xét và lập lại tổng dự toán cho phù hợp với định mức, đơn giá, chế độ, thể lệ hiện hành của Nhà nước. Dự toán thiết kế bản vẽ thi công do chủ đầu tư lập hoặc giao thầu cho tổ chức thiết kế trong nước lập.

Điều 42. — Đối với công trình do nước ngoài thiết kế, ngoài số lượng hồ sơ thiết kế được quy định tại điều 19 của Điều lệ

này cần phải tăng thêm hai bộ đề gửi cho tổ chức chuyên gia nước ngoài giám sát thiết kế tại công trường.

Việc giám sát thiết kế do chuyên gia của tổ chức thiết kế nước ngoài chịu trách nhiệm. Chủ đầu tư cử một tổ giám sát về phía Việt Nam để cộng tác với chuyên gia giám sát thiết kế.

## Chương IV

### KINH PHÍ VÀ THƯỜNG PHẠT TRONG THIẾT KẾ

#### A. KINH PHÍ THIẾT KẾ

Điều 43. — Kinh phí thiết kế bao gồm: tiền thuê thiết kế (giá thiết kế), tiền thuê khảo sát kỹ thuật (hoặc tiền mua và hiệu chỉnh tài liệu sẵn có) và kinh phí thâm nhập được đưa vào vốn xây dựng cơ bản khác của tổng dự toán.

Điều 44. — Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thanh toán cho tổ chức tổng thầu xây dựng hoặc tổng thầu thiết kế, tổ chức tổng thầu này chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức thiết kế nhận thầu lại.

Nguyên tắc thanh toán phân đoạn như sau:

— Tạm ứng 10% ngay sau khi ký hợp đồng.

— Thanh toán 50% (bao gồm cả 10% tạm ứng) sau khi thiết kế kỹ thuật được duyệt.

— Thanh toán 40% sau khi bàn giao xong bản vẽ thi công.

— Thanh toán 10% sau khi nghiệm thu bàn giao công trình.

Trường hợp nếu tổ chức nhận thầu lại thiết kế chỉ nhận thầu thiết kế bản vẽ thi công thì tiếp thuê thiết kế do hai tổ chức giao thầu và nhận thầu thiết kế đó thỏa thuận nằm trong giới hạn của giá thiết kế và giá khảo sát hiện hành.

Điều 45. — Trường hợp hồ sơ thiết kế không được duyệt do chất lượng thiết kế kém hoặc do tổ chức thiết kế không tuân thủ yêu cầu thiết kế và các quy định của Nhà nước thì tổ chức thiết kế phải làm lại và không được tính kinh phí thiết kế lần nữa. Nếu thiết kế không được duyệt do bên giao thầu thiết kế thay đổi chủ trương phải làm lại hoặc xóa hợp đồng, thì bên giao thầu thiết kế phải chịu trách nhiệm thanh toán kinh phí thiết kế theo khối lượng bên thiết kế đã thực hiện.

Điều 46. — Những thiết kế ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới làm giảm được lao động và vật tư xây dựng thì tổ chức thiết kế được hưởng một khoản tiền thưởng theo hướng dẫn của Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước và Bộ Tài chính.

Điều 47. — Kinh phí thẩm tra thiết kế bao gồm các khoản chi phí cần thiết cho việc thẩm tra, sao chụp tài liệu, thuê chuyên gia, phương tiện, tổ chức thẩm tra v.v... Kinh phí thẩm tra thiết kế được tính bằng 1% giá thiết kế cho các công trình trên hạn ngạch và 0,5% giá thiết kế cho các công trình dưới hạn ngạch; khoản này được tính thêm vào dự toán công trình ngoài giá thiết kế và sẽ do Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước — Bộ Tài chính hướng dẫn việc sử dụng.

### B. THƯỜNG PHẠT

Điều 48. — Đồ án thiết kế hoàn thành đúng hoặc vượt kế hoạch, có chất lượng tốt, thì tổ chức thiết kế được xét thưởng; ngược lại thì tổ chức thiết kế phải chịu phạt. Việc thưởng, phạt này thực hiện theo thông tư liên bộ Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước — Bộ Tài chính số 72-TTLB hướng dẫn việc thưởng phạt về trách nhiệm hoàn thành thiết kế xây lắp đưa công trình vào sản xuất và sử dụng ban hành ngày 6 tháng 6 năm 1983.

Điều 49. — Cá nhân hoặc tập thể nào đề xuất được ý kiến và giải pháp kỹ

thuật làm hạ giá thành, rút ngắn thời gian xây dựng hoặc nâng cao chất lượng công trình đều được xét khen thưởng theo chế độ khen thưởng sáng kiến sáng chế hiện hành. Tổ chức thiết kế thực hiện sáng kiến được hưởng thiết kế phí tương ứng với khối lượng thiết kế lại để thực hiện sáng kiến và được tặng phần trăm khuyến khích do chủ đầu tư quy định thông qua hợp đồng. Nguồn tiền thưởng và tiền thuê thiết kế lại do chủ đầu tư trả từ tiền tiết kiệm dự toán.

### Chương V

#### HIỆU LỰC CỦA ĐỒ ÁN THIẾT KẾ ĐƯỢC DUYỆT

Điều 50. — Thiết kế kỹ thuật — tổng dự toán được duyệt là cơ sở để:

1. Lập thiết kế bản vẽ thi công — dự toán,
2. Ghi kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản của công trình.
3. Ký hợp đồng mua sắm thiết bị công nghệ, thiết bị thi công, vật tư kỹ thuật và mời chuyên gia (nếu có).
4. Ký hợp đồng giao thầu xây lắp.

Riêng đối với công trình thiết kế một bước thì hồ sơ thiết kế kỹ thuật — thi công và tổng dự toán được duyệt thay cho thiết kế kỹ thuật — tổng dự toán.

Điều 51. — Thiết kế bản vẽ thi công — dự toán của hạng mục công trình được duyệt là cơ sở để:

1. Khởi công xây dựng hạng mục công trình đó.
2. Nghiệm thu và thanh quyết toán công trình.

Điều 52. — Thiết kế bản vẽ thi công không được lập trái với thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt. Trường hợp cần thay đổi nội dung nào đó thì chủ đầu tư phải

www.ThuVienPhapLuat.com  
Tel: +84-3-3845 6684  
0966-0049  
LawSoft

gửi hồ sơ xin thay đổi thiết kế lên cấp có thẩm quyền xét duyệt gồm:

1. Tờ trình xin xét duyệt phần thay đổi thiết kế.

2. Tài liệu của phần thay đổi và các phần liên quan khác được tổ chức thiết kế chấp thuận bằng văn bản.

Chỉ khi nào có văn bản phê duyệt cho thay đổi thiết kế của cấp xét duyệt thì phần thay đổi mới có hiệu lực.

**Điều 53.** — Tổ chức nhận thầu xây lắp phải thực hiện xây lắp công trình theo đúng bản vẽ thi công.

**Điều 54.** — Tổng dự toán thiết kế kỹ thuật (bao gồm cả khoản dự phòng) không được vượt tổng mức vốn đầu tư được ghi trong văn bản phê duyệt luận chứng kinh tế — kỹ thuật.

Nếu tổng dự toán vượt tổng mức đầu tư được duyệt trong luận chứng kinh tế — kỹ thuật do biến động của giá cả và thay đổi chế độ chính sách thì giải quyết theo thông tư số 83-UB/VTK của Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước ban hành ngày 24-4-1985.

Cuối thời gian xây lắp nếu vốn dự toán công trình tính lại cho đến lúc quyết toán vượt tổng dự toán thiết kế được duyệt lớn hơn 5% thì chủ đầu tư phải lập hồ sơ và trình cấp có thẩm quyền xét duyệt luận chứng kinh tế — kỹ thuật để xét duyệt bổ sung tổng dự toán.

Các trường hợp vượt tổng dự toán làm cho công trình từ cấp này chuyển lên cấp cao hơn thì thủ tục thẩm tra, xét duyệt theo cấp công trình mới.

**Điều 55.** — Thời hạn có hiệu lực của thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán các công trình được duyệt là 5 năm. Sau khi duyệt 5 năm mà công trình chưa triển khai xây dựng thì phải tiến hành xem xét đề trình duyệt lại.

## Chương VI

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 56.** — Bản Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế bản «Điều lệ về việc lập, thẩm tra và xét duyệt thiết kế các công trình xây dựng ban hành theo nghị định số 242-CP ngày 31-12-1971 của Hội đồng Chính phủ. Những quy định khác trái với điều lệ này đều bãi bỏ.

**Điều 57.** — Các Bộ chuyên ngành căn cứ vào nội dung các bước thiết kế quy định tại chương II của bản Điều lệ này để hướng dẫn cụ thể nội dung, phương pháp thiết kế cho các công trình xây dựng chuyên ngành, Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước căn cứ vào Điều lệ này ban hành quy chế về quản lý thiết kế điển hình.

**Điều 58.** — Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước, Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng chịu trách nhiệm hướng dẫn theo dõi, kiểm tra việc thi hành Điều lệ này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng  
K.T. Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
TỔ HỮU

### CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

**QUYẾT ĐỊNH** của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 308-CT ngày 18-9-1985 về phụ cấp chênh lệch giá sinh hoạt theo vùng cho công nhân, viên chức, các lực lượng vũ trang và các đối tượng hưởng phụ cấp, trợ cấp hàng tháng.